

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 385/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2026
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 1331/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Minh T** – CCCD 079192001038 ngày cấp 12/9/2022.

- Bị đơn: Ông **Lê Quý V** – CCCD: 067090003246

Cùng địa chỉ: **Số A N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Nguyễn Minh T** trình bày và yêu cầu: năm 2019 bà và ông **Lê Quý V** tự nguyện kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân Phường B1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**. Quá trình chung sống có hạnh phúc khoảng 05 năm. Từ năm 2024 không còn hạnh phúc, nguyên nhân do không hòa hợp. Vào tháng 02 năm 2025 bà đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn do muốn cho ông **V** một cơ hội sửa chữa sai lầm, nhưng ông **V** vẫn không sửa đổi tính tình, không chịu khó làm ăn. Ông và bà cũng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay

thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn và ông **Lê Quý V**.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Lê Nguyễn Thanh B**, sinh ngày 18/10/2022 và trẻ **Lê Nguyễn Quốc T1**, sinh ngày 27/6/2024. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông **V** cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Lê Quý V** đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đăng báo đài cho ông **V** nhưng ông **V** vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt ông **Lê Quý V** theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà **Nguyễn Minh T** có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; về con chung: vẫn giữ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu ông **V** cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Lê Quý V** dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án theo đúng quy định, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến nay chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 6 Nghị quyết 01/2024/Nq-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Bà **Nguyễn Minh T** được ly hôn với ông **Lê Quý V**.

- Giao 02 con chung là trẻ **Lê Nguyễn Thanh B**, sinh ngày 18/10/2022 và trẻ **Lê Nguyễn Quốc T1**, sinh ngày 27/06/2024 cho bà **Nguyễn Minh T** tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà **T** không yêu cầu ông **Lê Quý V** cấp dưỡng nuôi con.

* Về án phí: Bà **Nguyễn Minh T** phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Minh T thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Hiện nay, ông Lê Quý V đang cư trú tại phường G, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Xét xử trong trường hợp vắng mặt*: Bị đơn ông Lê Quý V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 05/6/2019 tại Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cùng lời khai của bà T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông Lê Quý V là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T cho rằng trong quá trình chung sống hôn nhân giữa ông bà hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn và không còn hạnh phúc, ông bà thường xảy ra nhiều mâu thuẫn như cách giáo dục, nuôi dạy con, ông V không cố gắng làm ăn chỉ có bà làm và nuôi 02 con. Từ năm 2024 giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn đến đầu năm 2025 bà đã nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn. Nay bà lại tiếp tục nộp đơn ly hôn cho thấy bà đã suy nghĩ thận trọng và bà cũng cho rằng bà đã hết tình cảm với ông V. Bà và ông V cũng đã ly thân khoảng 01 năm nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng để mời ông V đến hòa giải đưa ra phương án đoàn tụ vợ chồng, thế nhưng ông V vẫn không đến tham gia hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa, điều đó nhận thấy ý chí ông V không muốn hòa giải đoàn tụ cùng bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà T và ông V là hôn nhân hợp pháp nhưng trong cuộc sống lại không quan tâm chia sẻ chăm sóc

n nhau. Trong bản tự khai bà T cũng cho rằng đã ly thân với ông V khoảng 01 năm nay và khẳng định đã hết tình cảm với ông V. Từ những chứng cứ bà T cung cấp và Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử thấy rằng mục đích hôn nhân giữa bà T và ông V đã không đạt được. Do đó đối với yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Lê Nguyễn Thanh B, sinh ngày 18/10/2022 (theo giấy khai sinh số 07 do B1, quận P cấp ngày 11/02/2023) và trẻ Lê Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 27/6/2024 (theo giấy khai sinh số 156/2024 do UBND quận B cấp ngày 21/9/2024). Hiện cả 02 con chung đều đang sống cùng bà T và bà T cũng có yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông V vẫn không đến Tòa cho ý kiến nên cần xét xử theo các chứng cứ và lời trình bày của bà T để giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại các trẻ đang sống cùng mẹ và hiện tại các con còn rất nhỏ nên việc để bà T tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung là có căn cứ nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông V đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có và trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có mặt của ông V nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Minh T phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Minh T** được ly hôn với ông **Lê Quý V** (Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 05/6/2019 tại **Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Lê Nguyễn Thanh B**, sinh ngày 18/10/2022 và trẻ **Lê Nguyễn Quốc T1**, sinh ngày 27/6/2024. Giao 02 con chung cho bà **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông **V** đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Ông **Lê Quý V** có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà **T** khai không có và trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có mặt của ông **V** nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà **Nguyễn Minh T** phải chịu nhưng được cản trừ án phí ly hôn vào tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0023259 ngày 06/10/2025 của thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 5 - TPHCM;
- Phòng THA khu vực 5 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh

